TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/4/2025.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoằng và bà Nguyễn Thị Bắc.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 592/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.
- Bị đơn: Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn A, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có bản khai trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 02 tháng 12 năm 2005 anh H và chị Phạm Thị H1 đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp nên thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai không có tiếng nói chung,

dẫn đến anh H gởi đơn khởi kiện về việc giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị H1, sau đó vì muốn các con có đầy đủ bố mẹ cùng với một gia đình hoàn toàn bình thường, anh H tự nguyện rút đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn khởi kiện thì giữa anh và chị H1 không có mối quan hệ tốt đẹp, không hạnh phúc. Vì vậy đến nay anh H không còn tình cảm với chị Phạm Thị H1 nữa nên anh tiếp tục làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H1.

-Về con chung: Anh H và chị H1 có hai người con chung là Nguyễn Phương A (sinh ngày 09/09/2006) và Nguyễn Trà M (sinh ngày 27/10/2011) hiện nay các con đang ở cùng với chị Phạm Thị H1. Nay ly hôn, anh không muốn các con bị thay đổi trường lớp và cũng không muốn ảnh hưởng tâm lý các con, vì vậy anh H đồng ý giao cháu Nguyễn Trà M (sinh ngày 27/10/2011) cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao dục cho đến khi con thành niên. Riêng cháu Nguyễn Phương A (sinh ngày 09/09/2006) đã thành niên, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu giải quyết vì hiện tại chị H1 không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí ly hôn sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là chị Phạm Thị H1, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng *(Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà)* cho chị H1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; chị H1 đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc và không có bản tự trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa anh H và chị H1, anh H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài và đề nghị được ly hôn với chị H1 là có căn cứ. Về con chung, xét về nguyện vọng của anh H do các con đang ở với chị Hiền từ nhỏ vậy việc giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Trà M (sinh ngày 27/10/2011) cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung, anh H không yêu

cầu Toà án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm, giải quyết theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với chị Phạm Thị H1 có địa chỉ tại thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng chị Phạm Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Anh H và chị H1 tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 12 năm 2005 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, theo trích lục kết hôn (bản sao) số: 19/TLKH-BS, ngày 09/4/2024 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. *(Giấy chứng nhận kết hôn bản chính anh H đã làm mất không nộp cho Toà án)*.

Xét về tình cảm giữa anh H và chị H1 cả hai sau khi tự nguyện đăng ký kết hôn để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng sau đó vì không có tiếng nói chung, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, hiện cả hai không sống chung với nhau và không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay anh H không còn tình cảm yêu thương chị H, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến anh H có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn chị H1 là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh H và chị H1 có hai người con chung là Nguyễn Phương A (sinh ngày 09/09/2006) và Nguyễn Trà M (sinh ngày 27/10/2011), từ thời gian anh H, chị H1 sống riêng lẻ thì các con ở cùng với chị Phạm Thị H1. Nay ly hôn, anh H không muốn cháu Nguyễn Trà M bị thay đổi môi trường và ảnh hưởng tâm lý các con, vì vậy anh H đề nghị không lấy ý kiến của con chưa thành niên mà có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Trà M cho chị H1 là có căn cứ, vì vậy việc giao cháu Nguyễn Trà M (sinh ngày 27/10/2011) cho chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con thành niên là hoàn toàn phù hợp. Riêng cháu Nguyễn Phương A đã thành niên, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4].Về cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5].Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy: Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

[6]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phạm Thị H1.

2. Giao con chung là Nguyễn Trà M (sinh ngày 27/10/2011) chưa thành niên cho chị Phạm Thị H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên. Riêng cháu Nguyễn Phương A (sinh ngày 09/09/2006) đã thành niên, tự lập không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 000364 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP . Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- (UBND xã Hoàn Long, H. Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên ;
Số 64, Ngày ĐK: 02/12/2005).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà